| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAO PHONG**<br>**TỈNH HÒA BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 52/2018/QĐST-HNGĐ | *Cao Phong, ngày 10 tháng 8 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2017/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017, giữa:

Chị **Nguyễn Thúy N** - Sinh năm: 1982

Anh **Chu Văn H** - Sinh năm: 1980

Cùng cư trú tại: Khu II - TT. C - huyện C - tỉnh H.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

**1. Công ty TNHH 1 thành viên Cao Phong, huyện Cao Phong.**

Địa chỉ: Khu 5A, TT Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Duy H.

Chức vụ: Đội trưởng đội Bắc Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình thuộc Công ty TNHH 1 thành viên Cao Phong.

**2. Quỹ tín dụng nhân dân Thị trấn Cao Phong**.

Địa chỉ: Số 71, khu 5A, TT Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn T.

Chức vụ: Cán bộ tín dụng.

**3**. **Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Cao Phong.**

Địa chỉ: Khu 2, TT Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn K.

Chức vụ: Cán bộ tín dụng.

**4.** Bà **Lưu Thị V** - Sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, TP. H, tỉnh H

**5.** Chị **Bùi Thị M** - Sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Khu 2, TT C, huyện C, tỉnh H.

**6.** Bà **Lương Thị Y** - Sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Khu 2, TT C, huyện C, tỉnh H.

**7**. Bà **Lương Thị B**

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

*Nguyên đơn:* Nguyễn Thúy N - Sinh năm: 1982

*Bị đơn:* Chu Văn H - Sinh năm: 1980

Cùng cư trú tại: Khu II - TT. C - C - H.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thúy N và anh Chu Văn H thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Thỏa thuận giao cháu Chu Anh Đ, sinh ngày 15/11/2008 cho anh Chu Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh H chưa yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.*

*Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận. Cụ thể:

**I. Tài sản chung:**

1. Về tài sản mua sắm và sửa chữa nhà: Sau khi kết hôn anh H và chị N về chung sống trên mảnh đất và ngôi nhà do bố mẹ đẻ anh H xây dựng tại khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh H. Trong quá trình chung sống anh chị đã nâng cấp, sửa chữa ngôi nhà và mua sắm một số đồ dùng như tivi, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa... với tổng giá trị khoảng 200.000.000đ.

Nay chị N để lại toàn bộ tài sản của chị N được hưởng cho cháu Chu Anh Đ toàn quyền sử dụng và định đoạt.

2. Trong quá trình chung sống anh H và chị N có mua một vườn cam diện tích 4724,6m$^2$ thuộc tờ bản đồ số 8, thửa 8C, lô Đồi đập, được Công ty TNHH 1 thành viên Cao Phong giao khoán cho anh Chu Văn H theo Hợp đồng số 417 ngày 31/12/2014 *(Trong vườn có hơn 300 cây cam và quýt ô châu trên 3 tuổi)*

Anh chị thống nhất chị N để lại vườn cam trên cho anh Chu Văn H toàn quyền sử dụng và định đoạt toàn bộ diện tích đất, cây cam và tài sản trên đất.

**II. Về công nợ chung:** Chị N và anh H thống nhất:

***Anh H phải có trách nhiệm trả các khoản nợ gốc và lãi phát sinh như sau:***

1. Trả cửa hàng phân bón M số tiền **44.000.000đ** (*Bốn mươi bốn triệu)*.

2. Trả Quỹ tín dụng Thị trấn C số tiền **250.000.000đ** (*Hai trăm năm mươi triệu)* tiền gốc và lãi phát sinh theo quy định.

3. Trả bà Lương Thị Y (*mẹ đẻ của anh H*) **80.000.000đ** (*Tám mươi triệu)* và 3,5 chỉ vàng

4. Trả bà Lương Thị B **04** chỉ vàng.

5. Trả bà Lưu Thị V (*mẹ đẻ chị N*) **100.000.000đ** (*Một trăm triệu đồng*)

Tổng cộng 05 khoảng anh H phải trả nợ là: **474.000.000đ** (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu) và **7,5** chỉ vàng.

Ngày 10/8/2018 anh H đã trả **100.000.000đ** (Một trăm triệu) cho bà Lưu Thị V.

***Chị Ngọc phải có trách nhiệm trả các khoản nợ gốc và lãi phát sinh như sau:***

1. Trả Ngân hàng nông nghiệp huyện Cao Phong **55.000.000đ** (*Năm mươi lăm triệu đồng)* và lãi phát sinh theo quy định.

2. Trả bà Lưu Thị V (mẹ đẻ chị N) **15.000.000đ** (Mười lăm triệu đồng)

Tổng cộng 2 khoảng chị N phải trả nợ là: **70.000.000đ** (Bảy mươi triệu)

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thúy N và anh Chu Văn H phải nộp: 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn. Số tiền này chị N đã tự nguyện nộp cả nên được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004560 ngày 30/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong.

Trả lại cho chị Nguyễn Thúy N số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo biên lai số 0004560 ngày 30/10/2017.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**
- Tòa án ND tỉnh HB;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện CP;
- Chi cục Thi hành án DS huyện CP;
- UBND TT nơi các DS cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thu Hà**